

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 22-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Đệ

Bà Nguyễn Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nguyệt - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Cao Chí - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 150/2017/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 222/2017/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **QUÁCH VĂN T**, sinh ngày 07-8-199x; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Q, xã Y, huyện N, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quách Văn T; Con bà: Quách Thị L; Vợ, con: chưa có.

Tiền án: 03 tiền án: Ngày 24-02-2011, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 06 tháng tù giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19-5-2011; Ngày 30-11-2011, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 33 tháng tù; Ngày 09-8-2012, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 20 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam, tổng hợp hình phạt với bản án trước đó là 44 tháng 05 ngày tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03-02-2016.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 02-8-2017, Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Q xử phạt 36 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-4-2017; Ngày 27-10-2017, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 33 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp với bản án 36 tháng

tù của Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Q thành 69 tháng tù, được trừ 06 tháng 05 ngày tù đã chấp hành. Bị cáo còn phải chấp hành 05 năm 02 tháng 25 ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 27-10-2017.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Q - Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Anh Trần Đức T, sinh năm 199x; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh H - Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Lê Quốc Đ, sinh năm 199x; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 9, xã C, huyện V, thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trịnh Tiến H, sinh năm 199x; Nơi đăng ký HKTT: Khu 7, xã T, huyện C, tỉnh P; Tạm trú tại: Xóm 1x, ngõ 4x, đường C, phường C 2, quận B, Thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Như C, sinh năm 197x; Trú tại: Xóm 3 S, xã S, huyện Q, Thành phố H - Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1969; Trú tại: Khu V, thị trấn T, huyện T, tỉnh H - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quách Văn T là đối tượng có nhiều tiền án, không có nơi ở và công việc ổn định. Trong một thời gian ngắn T liên tiếp thực hiện hai vụ cướp tài sản tại địa bàn huyện Đ, Thành phố H cụ thể như sau:

Vụ án thứ nhất:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 19-3-2017, Quách Văn T đi bộ đến khu vực tòa nhà IPH trên đường X, phường D, quận C, Thành phố H, thuê anh Trần Đức T (sinh năm 199x, nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh H; Nơi ở: số 2x/8x T, xã T, quận B, Thành phố H) là lái xe ôm hãng Grabbike chở về đường mới thuộc huyện Đ, Thành phố H. Do anh T không biết đường, T nói sẽ chỉ đường. Hai người thỏa thuận tiền đi xe ôm là 70.000 đồng (bảy mươi nghìn đồng). T chỉ đường dẫn anh T đi qua cầu Thăng Long vào đường Võ Văn Kiệt, đi đến vòng xuyến trước cổng siêu thị Mê Linh Plaza thuộc xã Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, T bảo rẽ trái đi ngược lại bên đường gom đường Võ Văn Kiệt. Do vi phạm luật giao thông, bị Cảnh sát giao thông yêu cầu dừng xe, anh T bị phạt 200.000 đồng và được đi tiếp. T tiếp tục chỉ đường cho anh T đi khoảng 01km rồi rẽ phải vào đường 100 thuộc thôn Đoài, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (nối đường Võ Văn Kiệt đi thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc). Đi tiếp khoảng 200-300m, T bảo anh T dừng lại để tính tiền. Khi anh T và T đứng đối diện nhau, T quát “tao là cướp đây”. Anh T sợ hãi nói “anh cho em xin”, T nhặt một cành cây dưới chân vụt anh T một cái vào ngực làm anh T bỏ chạy. T nhảy lên xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 34D1-23350 của anh T lấy xe chạy thoát rồi vào nhà nghỉ tại khu vực Cầu Giấy,

Hà Nội (T không nhớ địa chỉ nhà nghỉ). Cành cây T dùng đánh anh T Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Khoảng 2-3 ngày sau, T mang bán xe máy trên tại cửa hàng xe máy của anh Trịnh Tiến H (sinh năm 199x; nơi đăng ký HKTT: Khu 7 T, huyện C, tỉnh P; Tạm trú tại: xóm 1x ngõ 4x đường C, phường C 2, quận B, Thành phố H) với giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), T đã ăn tiêu hết. Khi bán xe cho anh H, T sử dụng giấy phép lái xe mang tên Hoàng Thế T (sinh năm: 199x; Trú tại: xóm 12, thôn P, xã P, huyện B, Thành phố H), T bóc ảnh của anh T, thay ảnh của T vào để làm tin. Khi bán xe T nói xe bị mất giấy tờ chỉ còn giấy phép lái xe và T bảo anh H chụp ảnh của T đứng cạnh chiếc xe máy. Sau khi mua xe máy trên của T, anh H bán lại cho anh Nguyễn Như C (sinh năm 197x; Trú tại: Xóm 3 S, xã S, huyện Q, Thành phố H) với giá 9.000.000 đồng. Sau đó, anh C bán cho anh Đỗ Văn M (sinh năm 196x; Trú tại: Khu V, thị trấn T, huyện T, tỉnh H) với giá 11.000.000 đồng. Ngày 05-5-2017 cơ quan Công an đã thu giữ được chiếc xe máy trên của anh Đỗ Văn M.

Người bị hại là anh Trần Đức T khai báo phù hợp với nội dung trên, về tài sản anh T bị cướp gồm 01 xe máy, 01 mũ bảo hiểm, 01 ví da để bên trong cốp xe.

Ngày 21-3-2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐKết luận số tài sản trong vụ cướp ngày 19-3-2017 là 15.500.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 34D1-23350 là tài sản hợp pháp của anh Trần Đức T nên Cơ quan điều tra đã trả lại anh T chiếc xe máy trên. Sau khi nhận lại tài sản anh T không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Vụ án thứ hai:

Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 24-3-2017, T ngồi uống nước tại quán nước gần tòa nhà FLC trên đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Sau đó đi đến thuê anh Lê Quốc Đ (sinh năm 199x; Nơi đăng ký HHKT: Thôn 9, xã C, huyện V, Thành phố H) chở đến đường mới thuộc huyện Đ, Thành phố H. Anh Đ nói không biết đường, T nói sẽ chỉ đường, anh Đ đồng ý chở và thỏa thuận giá tiền xe ôm sau. T chỉ đường cho anh Đ đi qua cầu Thăng Long theo đường Võ Văn Kiệt về hướng Nội Bài. Khi vào đường 100 thuộc thôn Đoài, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (nối đường Võ Văn Kiệt đi thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) cách đầu đường khoảng 200-300m, T bảo anh Đ dừng lại để thanh toán tiền. T xuống xe, đứng đối diện với anh Đ (đang ngồi trên xe) và cầm mũ bảo hiểm đang đội trên đầu đập một cái vào đầu anh Đ (đang đội mũ bảo hiểm) làm anh Đ ngã xuống đất. Anh Đ đứng dậy, xông vào đánh đá chân tay với T. T lùi lại, thò tay vào túi quần giả vờ lấy dao và quát “tao có dao đấy”. Anh Đ sợ hãi, lùi lại, không dám xông vào nữa. T nhảy lên xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 15K1-17050 của anh Đ đi thẳng về hướng đi thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc khoảng 3km, rẽ trái đi về Hà Nội và vào nhà nghỉ khu vực Cầu Giấy (không nhớ tên và địa chỉ) ngủ. T mở

cốp xe máy thấy bên trong có Giấy chứng minh nhân dân, thẻ ATM, Giấy đăng ký xe máy, Giấy phép lái xe mang tên Lê Quốc Đ và tiền mặt là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

Khoảng 2-3 ngày sau, T sử dụng giấy phép lái xe mang tên anh Lê Quốc Đ làm tin, mang bán xe máy tại một cửa hiệu cầm đồ ở khu vực Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội (không nhớ địa chỉ và tên cửa hiệu) được 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và sử dụng hết số tiền trên.

Sau khi gây án tại huyện Đ, T đi đến Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh và rút các giấy tờ lấy được của anh Lê Quốc Đ tại biển Bãi Cháy (không nhớ vị trí rút giấy tờ) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. T tiếp tục gây án tại thành phố U, tỉnh Q. Ngày 21-4-2017, Công an thành phố U, tỉnh Q đã bắt giữ và tạm giam T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Người bị hại là anh Lê Quốc Đ trình báo phù hợp với nội dung trên. Ngoài ra anh Đ khai, khi điều khiển xe máy anh có gắn chiếc điện thoại Iphone 4S sim số 0979921629 đang sạc pin dự phòng, 01 ví da bên trong có giấy tờ xe, giấy tờ cá nhân và bị T cướp mất. Đồng thời anh còn bị T đánh gây thương tích.

Quá trình điều tra xác định, chiếc điện thoại trên bị rơi cách khu vực hiện trường khoảng 1km, bị vỡ màn hình, vỡ mặt sau điện thoại. Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 24-3-2017, chị Nguyễn Thị Hồng T (sinh năm 199x; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh H) đi cùng chị Lê Thị Huyền Tr (sinh năm 199x; Nơi đăng ký HKTT: xã H, huyện K, tỉnh H) trên đường 100 đã nhặt được mang về nhà, chị T cho em trai là anh Nguyễn Văn H. Ngày 29-3-2017, anh H đã nộp lại chiếc điện thoại trên cho Cơ quan công an.

Ngày 17-4-2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ Kết luận trị giá tài sản vụ cướp ngày 24-3-2017 là 13.760.000đồng (mười ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đ chiếc điện thoại di động Iphone 4S trên. Sau khi nhận lại tài sản anh Đ yêu cầu T phải bồi thường cho anh giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 13.760.000 đồng và đề nghị xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của pháp luật. Đối với thương tích, do không lớn nên anh từ chối giám định và không yêu cầu bị cáo bồi thường về thương tích.

Đối với anh Nguyễn Như C, anh Đỗ Văn M, anh Trịnh Tiến H khi mua bán xe máy trên không biết là tang vật của vụ án. Tài liệu điều tra không đủ cơ sở kết luận hành vi của anh C, anh M, anh H phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Cơ quan điều tra đã thu giữ của anh H số tiền 4.000.000 đồng, thu giữ của anh C số tiền 2.000.000 đồng là số tiền chênh lệch khi bán chiếc máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 34D1-233.50. Tổng số tiền là 6.000.000 đồng, chuyển Tòa án nhân dân huyện Đ để giải quyết theo thẩm quyền.

Anh Nguyễn Như C, anh Đỗ Văn M, Trịnh Tiến H xác nhận các bên đã thanh toán trả cho nhau số tiền bán xe máy. Anh H đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị cáo T trả lại anh số tiền anh mua xe là 5.000.000 đồng và được nhận lại

số tiền 4.000.000 đồng đã nộp cho cơ quan điều tra. Anh C đề nghị được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng đã nộp cho cơ quan điều tra.

Đối với anh Hoàng Thế T (sinh năm 199x; Trú tại: Xóm 12, thôn P, xã P, huyện B, Thành phố H) khai báo, khoảng đầu tháng 3-2017 tại khu vực quận C, anh T bị một đối tượng nam giới lừa đảo chiếm đoạt cả xe máy cùng giấy phép lái xe, là giấy phép lái xe T đã sử dụng để làm tin khi bán xe. Xác định đây là vật chứng trong vụ án khác, Cơ quan điều tra đã tách rút tài liệu và bàn giao cho Công an Quận C để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Quách Văn Th khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Tại bản Cáo trạng số 132/CT-VKS ngày 27-9-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố H truy tố bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Quách Văn T khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận, do cần tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền chi tiêu. Bị cáo thấy những người lái xe ôm Grab chủ yếu là sinh viên ít kinh nghiệm sống nên đã thuê xe và điều đến những khu vực vắng người để thực hiện hành vi cướp tài sản của họ. Sau khi cướp được tài sản bị cáo bán lấy tiền chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo thừa nhận việc truy tố và xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “Cướp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 09 năm đến 09 năm 06 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự buộc bị cáo bồi thường cho anh Đ số tiền 12.260.000 đồng; trả lại anh H số tiền 5.000.000 đồng và hoàn trả lại anh H số tiền 4.000.000 đồng, anh C số tiền 2.000.000 đồng đã nộp. Và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra đánh giá toàn diện tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

Lời nói sau cùng bị cáo trình bày: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo không có ý kiến gì với việc truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo hiện đang bị ốm, sắp phải phẫu thuật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để bị cáo có điều kiện chữa bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Quách Văn T khai nhận hành vi phạm tội cơ bản như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng, biên biên bản tạm giữ đồ vật cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Trong một thời gian ngắn bị cáo T liên tiếp thực hiện hai vụ cướp tài sản tại địa bàn huyện Đ, Thành phố H, cụ thể: Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 19-3-2017, tại khu vực đường 100 thuộc thôn Đoài, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (đường nối đường Võ Văn Kiệt đi thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) Quách Văn T đã có hành vi đe dọa và sử dụng vũ lực (cành cây) tấn công anh Trần Đức T và lấy của anh T 01 xe máy BKS 34D1-233.50, 01 mũ bảo hiểm và 01 ví da để trong cốp xe, có tổng giá trị là 15.500.000 đồng. Và khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 24-3-2017, cũng tại khu vực đường 100 thuộc thôn Đoài, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội (đường nối đường Võ Văn Kiệt đi thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) Quách Văn T đã có hành vi đe dọa và sử dụng vũ lực (mũ bảo hiểm) tấn công anh Lê Quốc Đ và lấy của anh Đ 01 xe máy BKS 15K1-170.50, 01 điện thoại Iphone4S có sim số 0979921629, 01 sạc pin dự phòng và 01 ví da bên trong có giấy tờ xe và giấy tờ tùy thân của anh Đ, có tổng giá trị là 13.760.000 đồng.

[3] Hành vi dùng vũ lực của bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của của anh T, anh Đ có tổng giá trị là 29.260.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Điều 133 Bộ luật hình sự. Bị cáo dùng mũ bảo hiểm, cành cây đánh anh Đ, anh T là thuộc trường hợp “sử dụng phương tiện nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Ngày 09-8-2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 20 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” với tình tiết tăng nặng là “tái phạm nguy hiểm” và tổng hợp hình phạt với bản án số 47/2011/HSST ngày 30/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T là 44 tháng 05 ngày tù, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 03-02-2016, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo về tội Cướp tài sản theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong xã hội, gây hoang mang trong nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi

của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật hình sự nhưng do tham lam tư lợi, bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần thực hiện hành vi cướp tài sản được xác định là phạm tội nhiều lần, tình tiết “tái phạm nguy hiểm” đã được xác định là tình tiết định khung hình phạt nên không xác định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật hình sự. Về nhân thân: Trong một thời gian ngắn bị cáo liên tục có hành vi phạm tội, thể hiện bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, có nhân thân xấu.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần xét xử bị cáo mức án tù trong khung hình phạt, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng phòng ngừa chung. Bị cáo hiện đang chấp hành bản án có hình phạt tù, do vậy cần tổng hợp hình phạt của hai bản án và quyết định hình phạt chung đối với bị cáo theo quy định của pháp luật. Về hình phạt bổ sung, bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về phần dân sự: Người bị hại là anh Trần Đức T đã nhận lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 34D1-23350. Sau khi nhận lại tài sản anh T không có yêu cầu bồi thường gì khác về dân sự nên không giải quyết. Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại là anh Lê Quốc Đ giá trị 01 chiếc xe máy BKS 15K1-17050, 01 ví giả da, 01 cục sạc pin dự phòng và 01 sim điện thoại có tổng giá trị là 12.260.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Như C, anh Đỗ Văn M, anh Trịnh Tiến H khi mua bán xe máy trên không biết là tang vật của vụ án. Tài liệu điều tra không đủ cơ sở kết luận hành vi của anh C, anh M, anh H phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Số tiền 5.000.000 đồng bị cáo bán xe cho anh Trịnh Tiến H do được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật, anh H yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại cho mình nên bị cáo phải hoàn trả cho anh H số tiền này theo quy định của pháp luật. Số tiền chênh lệch khi bán chiếc máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 34D1-233.50 cơ quan điều tra đã thu giữ của anh H là 4.000.000 đồng, của anh C số tiền 2.000.000 đồng là tài sản của anh H, anh C không liên quan đến tội phạm cần trả lại cho anh H, anh C số tiền trên. Số tiền mua bán chiếc xe máy trên giữa anh H, anh M, anh C các bên đã tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.
Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền
kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Quách Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ vào: điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Quách Văn Th 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù; tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm 02 (hai) tháng 25 (hai mươi lăm) ngày tù của Bản án số 43/2017/HSST ngày 27-10-2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T, buộc bị cáo Quách Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 (mười ba) năm 08 (tám) tháng, 25 (hai mươi lăm) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 27-10-2018.

- Căn cứ vào: Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 351, 353, 357, 468, khoản 1 Điều 579, khoản 1, 2 Điều 580, Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Quách Văn Th phải bồi thường cho anh Lê Quốc Đ (sinh năm 199x; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 9, xã C, huyện V, thành phố H) số tiền là 12.260.000 đồng (mười hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Buộc bị cáo Quách Văn T phải trả lại cho anh Trịnh Tiến H (sinh năm 199x; Nơi đăng ký HKTT: Khu 7, xã T, huyện C, tỉnh P; Tạm trú tại: Xóm 1x, ngõ 4x, đường C, phường C 2, quận B, Thành phố H) số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trả lại anh Trịnh Tiến H (sinh năm 199x; Nơi đăng ký HKTT: Khu 7, xã T, huyện C, tỉnh P; Tạm trú tại: Xóm 1x, ngõ 4x, đường C, phường C 2, quận B, Thành phố H) 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), trả lại anh Nguyễn Như C (sinh năm 197x; Trú tại: Xóm 3 S, xã S, huyện Q, Thành phố H) số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ngày 06-10-2017

- Căn cứ vào: Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Quách Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 863.000 đồng (tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ vào: Điều 231; khoản 1 Điều 233 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)**